

TUẦN 3**HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM****Sinh hoạt dưới cờ: *Phát huy truyền thống trường em* (tiết 7)****I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Thể hiện sự chủ động, tự tin khi tham gia tổ chức sự kiện *Phát huy truyền thống trường em*
- Thể hiện được niềm tự hào về truyền thống nhà trường.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- File bài giảng

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**1. Hoạt động mở đầu: Khởi động (3 - 5')**

- Chào cờ, hát quốc ca, đội ca, ổn định chỗ ngồi.

2. Hoạt động thực hành, luyện tập (20 - 25')

- GV khai mạc chương trình *Phát huy truyền thống trường em*.
- GV giới thiệu các hoạt động trong sự kiện và hướng dẫn HS tham gia tổ chức.
 - + *Trung bày tranh ảnh về truyền thống và các hoạt động của trường,*
 - + *Kể chuyện về các tấm gương dạy tốt, học tốt trong trường,*
 - + *Hùng biện về chủ đề Em phát huy truyền thống nhà trường.*

GV: Chiếu một số hình ảnh về những tấm gương thật thà, những tấm gương tiết chia sẻ trước những khó khăn của người khác của HS trong trường. Từ đó giáo dục học sinh phát huy truyền thống hiếu học, trường thống đoàn kết, truyền thống biết sẻ chia tới các em.

- GV mời một số HS chia sẻ cảm xúc của bản thân khi tham gia tổ chức sự kiện.
- GV tổng kết chương trình, khen thưởng các HS đã thực hiện và đạt kết quả tốt

3. Hoạt động tổng kết, dặn dò (3 - 5')

- GV nhận xét, tóm tắt lại những nội dung chính của bài học. Giao nhiệm vụ chuẩn bị cho tiết học sau.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: (Phụ lục nếu có)

.....

HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM

Hoạt động giáo dục theo chủ đề: Nuôi dưỡng, giữ gìn tình thầy trò (tiết 8)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Thông qua hoạt động, HS thể hiện tình cảm yêu quý và lòng biết ơn đối với thầy cô thông qua hoạt động sáng tác về chủ đề Tình thầy trò.
- Có khả năng thực hiện nhiệm vụ một cách độc lập hay theo nhóm; Trao đổi tích cực với giáo viên và các bạn khác trong lớp.
- Biết lắng nghe và chia sẻ ý kiến cá nhân với bạn, nhóm và GV. Tích cực tham gia các hoạt động trong lớp.
- Biết phối hợp với bạn bè khi làm việc nhóm, tư duy logic, sáng tạo khi giải quyết vấn đề.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

File bài giảng

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Hoạt động khởi động (3 – 5')

- GV chia HS thành các nhóm (4 – 6 HS) và giao nhiệm vụ: *Nêu những âu ca dao, thành ngữ, tục ngữ nói về công ơn của thầy cô.*
- GV mời đại diện các nhóm lần lượt đọc đáp án. HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung (nếu có).
- GV nhận xét, ghi nhận đáp án hợp lí:
 - + *Cơm cha, áo mẹ, chữ thầy*
 - Nghĩ sao cho bỏ những ngày ước mong.*
 - + *Thời gian đầu bạc mái đầu*
 - Tim trò vẫn tạc đậm câu ơn thầy.*
 - + *Tiên học lễ, hậu học văn.*

+ *Nhất tự vi sư, bán tự vi sư...*

- GV tổng kết và dẫn dắt vào bài học: *Chúng ta cùng đi vào bài học hôm nay nhé – Tuần 3 – Tiết 2: Hoạt động giáo dục theo chủ đề: Nuôi dưỡng, giữ gìn tình thầy trò.*

2. Hoạt động hình thành kiến thức (20 - 25')

Hoạt động 1: Chia sẻ về chủ đề Nuôi dưỡng, giữ gìn tình cảm thầy, cô

Nhiệm vụ 1: Chia sẻ ý kiến của em về chủ đề Nuôi dưỡng, giữ gìn tình cảm thầy, cô

- GV tổ chức cho HS chia sẻ cặp đôi theo các nội dung:

+ *Cách em ứng xử và giao tiếp với thầy cô.*

+ *Những việc em đã làm để nuôi dưỡng và giữ gìn tình thầy trò.*

+ *Cảm xúc của em khi thực hiện các việc làm đó.*



- GV mời một số cặp HS chia sẻ trước lớp. HS khác lắng nghe, nhận xét.

- GV nhận xét, đánh giá, ghi nhận đáp án hợp lí và khen ngợi HS:

+ *Cách em ứng xử và giao tiếp với thầy cô: dùng kính ngữ, lễ phép, thể hiện sự tôn trọng, quan tâm thầy cô...*

+ *Những việc em đã làm để nuôi dưỡng và giữ gìn tình thầy trò: Hỏi thăm sức khỏe của thầy cô, giúp đỡ thầy cô khi cần...*

+ *Cảm xúc của em khi thực hiện các việc làm đó: vui, phấn khởi...*

Nhiệm vụ 2: Đề xuất những việc cụ thể để nuôi dưỡng, giữ gìn tình thầy trò.

- GV tổ chức cho HS thảo luận toàn lớp, đề xuất những việc làm cụ thể để nuôi dưỡng, giữ gìn tình thầy trò.

- GV khuyến khích HS mạnh dạn đưa ra ý kiến.

- GV ghi nhận những đáp án hợp lí và ghi vào bảng phụ.

- ♥ Ứng xử lễ phép với thầy cô
- ♥ Quan tâm, hỏi thăm thầy cô
- ♥ ...

- GV mời 1 – 2 HS tổng kết lại những việc làm cụ thể để nuôi dưỡng, giữ gìn tình thầy trò.

- GV nhận xét, kết luận: *Trong hành trình trưởng thành của mình, các em luôn có thầy cô giáo dạy dỗ, bảo ban, quan tâm và giúp đỡ. Các em hãy luôn trân trọng và dành nhiều tình cảm để tri ân tới thầy cô của mình, ứng xử lễ phép với thầy cô,... để vun đắp, nuôi dưỡng tình thầy trò thêm khăng khít, gắn bó.*

Hoạt động 2: Thực hành những việc làm nuôi dưỡng, giữ gìn tình thầy trò.

Nhiệm vụ 1: Đóng vai thực hành những lời nói, việc làm để nuôi dưỡng, giữ gìn tình thầy trò.

- GV tổ chức cho HS làm việc nhóm 4 – 6 HS

- GV yêu cầu HS:

+ *Đọc tình huống SGK tr.11.*

+ *Đóng vai thực hành những lời nói, việc làm để nuôi dưỡng, giữ gìn tình thầy trò.*

Tình huống 1

Giờ ra chơi, Hạnh và các bạn cùng chơi ở sân trường. Hạnh nhìn thấy cô Lan bế một chồng sách rất to và nặng.

Nếu là Hạnh, em sẽ làm gì?

Tình huống 2

Huy đang đi dạo ở công viên cùng bố mẹ thì tình cờ nhìn thấy cô Hằng là cô giáo cũ đã nghỉ hưu đang tập thể dục.

Nếu là Huy, em sẽ làm gì?

- GV hướng dẫn các nhóm:

+ *Thảo luận về những lời nói, việc làm để nuôi dưỡng, giữ gìn tình thầy trò trong mỗi tình huống.*

+ *Phân vai và chuẩn bị lời thoại cho các thành viên.*

- GV mời 2 – 3 nhóm trình bày phân vai xử lý tình huống trước lớp. HS khác quan sát, nhận xét.

- GV nhận xét, đánh giá, ghi nhận cách xử lí hợp lí của các nhóm:
- + *Tình huống 1: Lan rủ các bạn cùng ra giúp đỡ cô Lan bê chồng sách.*
- + *Tình huống 2: Huy nên nói cho bố mẹ về cô Hằng và có thể cùng bố mẹ đến chào hỏi cô.*

Nhiệm vụ 2: Chia sẻ bài học em rút ra sau tình huống.

- GV đặt câu hỏi mở rộng cho HS cả lớp:
- + *Em thích phần đóng vai của nhóm nào nhất? Vì sao?*
- + *Em cảm thấy việc thực hiện lời nói, việc làm để nuôi dưỡng, giữ gìn tình thầy trò có khó không?*
- + *Em học được điều gì từ mỗi tình huống?*
- GV mời một số HS trả lời. HS khác lắng nghe, bổ sung ý kiến (nếu có).
- GV nhận xét đánh giá, ghi nhận đáp án hợp lí:
- + *Em cảm thấy việc thực hiện lời nói, việc làm để nuôi dưỡng, giữ gìn tình thầy trò không khó.*
- + *Bài học được rút ra từ mỗi tình huống là việc giữ gìn tình cảm thầy trò được thể hiện trong cả lời nói và hành động. Bất cứ trong tình huống nào ta cũng có thể thực hiện điều đó.*
- GV kết luận: *Thầy cô giáo là người đã dốc hết tâm huyết, cống hiến hết mình cho sự nghiệp trồng người, dạy các em nhiều bài học quý, chỉ bảo các em những điều hay. Các em cũng chính là nguồn cảm hứng, động viên để thầy cô thêm gắn bó với nghề. Các em hãy luôn thể hiện tình cảm kính trọng, biết ơn với thầy cô giáo dù thầy cô giáo cũ, chào hỏi lễ phép, giúp đỡ thầy cô khi cần.*

3. Hoạt động: Vận dụng trải nghiệm (3 – 5')

Trò chơi đố bạn!

Câu 1: Đây là cách để phát triển mối quan hệ với thầy cô?

- A. Kính trọng, lễ phép với thầy cô.
- B. Gần gũi, chia sẻ với bạn bè khó khăn trong học tập.
- C. Khuyến khích các bạn tham gia các hoạt động tập thể lớp.
- D. Cùng bạn thực hiện nhiệm vụ chung được giao.

Câu 2: Theo em, đâu là vấn đề nảy sinh trong quan hệ thầy trò?

- A. Học sinh lễ phép, vâng lời thầy cô.
- B. Học sinh hoàn thành nhiệm vụ được thầy cô giao.
- C. Học sinh có thái độ hoặc lời nói vô tâm khiến thầy cô buồn lòng.
- D. Thầy cô tuyên dương học sinh có thành tích tốt.

Câu 3: Câu ca dao, tục ngữ nào dưới đây nói về chủ đề thầy trò?

- A. Có công mài sắt, có ngày nên kim.
- B. Không thầy đố mày làm nên.
- C. Trăm hay không bằng một thấy.
- D. Ăn có nơi, làm có chỗ.

Câu 4: Nguyên nhân dẫn đến khó khăn trong việc giữ gìn tình thầy trò?

- A. Làm chủ được cảm xúc, hành động khi có hiểu lầm.
- B. Chủ động giải thích, trình bày suy nghĩ một cách lễ phép.
- C. Quan tâm đến cảm xúc của thầy cô.
- D. Ngại ngùng khi phải tiếp xúc và trò chuyện với thầy cô.

Câu 5: Đâu là cách để giải quyết vấn đề nảy sinh trong mối quan hệ thầy trò?

- A. Đặt mình vào vị trí của thầy cô để thấu hiểu.
- B. Nhanh chóng đưa ra lời giải thích cho sự hiểu lầm.
- C. Giữ im lặng khi thầy cô hỏi han.
- D. Kể chuyện cho bố mẹ để được an ủi.

- GV mời 2 -3 HS trả lời. HS khác lắng nghe, nhận xét.

- GV nhận xét, chốt đáp án:

Câu	1	2	3	4	5
Đáp án	A	C	B	D	A

- Nhận xét sau tiết dạy, dặn dò về nhà.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: (Phụ lục nếu có)

.....

HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM

Sinh hoạt lớp: Sáng tác về chủ đề Tình thầy trò (tiết 9)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- HS chơi hăng hái tham gia sinh hoạt tập thể tại lớp.
- HS tham gia sinh hoạt lớp đánh giá nhận xét hoạt động trong tuần 1 tháng 8.
- Nắm được kế hoạch tuần 2 tháng 8.
- Thông qua hoạt động, HS thể hiện tình cảm yêu quý và lòng biết ơn đối với thầy cô thông qua hoạt động sáng tác về chủ đề Tình thầy trò.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Tranh ảnh, tư liệu tuần học vừa qua.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Hoạt động khởi động (3 - 5')

- GV mở bài hát “Trường em” để khởi động bài học.
- + GV cùng chia sẻ với HS về nội dung bài hát.
- GV nhận xét, tuyên dương.
- GV dẫn dắt vào bài mới.

2. Luyện tập, thực hành (20 - 25')

*** Hoạt động 1: Sơ kết hoạt động trong tuần.**

- GV nhận xét chung về tình hình hoạt động của lớp trong tuần.
 - Ưu điểm:
 - Các em đi học đầy đủ, đúng giờ.
 - Vệ sinh cá nhân, trường lớp sạch sẽ.
 - Làm bài tập về nhà đầy đủ....
 - Nhược điểm:
 - Tuy có nhiều ưu điểm nhưng vẫn còn tồn tại một số vấn đề như sau:
 - + Vẫn còn tồn tại việc nói chuyện riêng trong giờ học.
 - + Còn có những học sinh về nhà chưa làm bài tập.
 - + Có nhiều học sinh chưa chuẩn bị bài trước khi đến lớp....

*** Hoạt động 2: Xếp loại thi đua trong tuần.**

- Các tổ tự bình xét thi đua trong tuần dưới sự điều khiển của tổ trưởng.

***Hoạt động 3: Kế hoạch tuần 2 Tháng 8**

- Tiếp tục phát huy ưu điểm, khắc phục nhược điểm.
- Tham gia chương trình lớp học xanh.
- Tham gia tích cực trang trí lớp chào đón chuẩn bị năm học mới.

- **Sinh hoạt theo chủ đề:**

Nhiệm vụ 1: Tiến hành sáng tác về chủ đề Tình thầy trò.

- GV tổ chức cho HS làm việc cá nhân và yêu cầu: *Sáng tác một tác phẩm về Tình thầy trò.*

- GV hướng dẫn HS:

+ *Nội dung sản phẩm liên quan đến chủ đề Tình thầy trò:*

- *Những kỉ niệm đáng nhớ của em với thầy cô giáo.*
- *Tình cảm yêu quý, biết ơn của em đối với thầy cô giáo.*
- *Những bài học thầy cô dạy mà em nhớ nhất...*

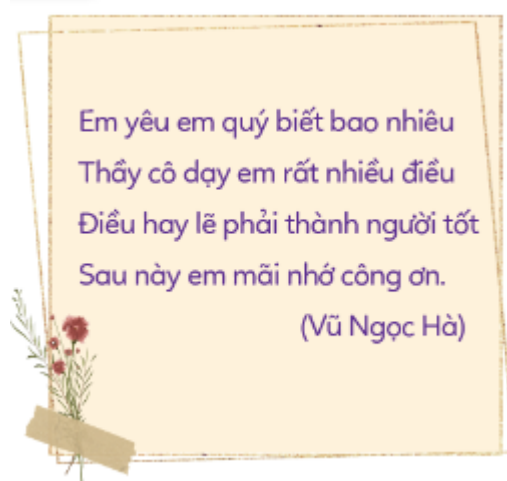
+ *Hình thức thể hiện:*

- *Bài thơ.*
- *Bài hát.*
- *Bài vẽ.*
- *Truyện ngắn...*

- GV tổ chức cho HS các nhóm tiến hành sáng tạo sản phẩm.

Nhiệm vụ 2. Giới thiệu sáng tác với các bạn

- GV tổ chức cho các nhóm trình bày sáng tác trước lớp.
- GV cùng HS còn lại nhận xét, đánh giá sản phẩm.
- GV nhận xét, khen ngợi HS và tổng kết hoạt động.
- GV tổ chức bầu chọn 5 sáng tác ấn tượng nhất.



- Nhận xét sau tiết dạy, dặn dò về nhà.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: (Phụ lục nếu có)

CÔNG NGHỆ

BÀI 1: NHÀ SÁNG CHẾ (TIẾT 3)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Nêu được vai trò của sáng chế trong đời sống và sự phát triển của công nghệ.
- Tóm tắt được thông tin về một số nhà sáng chế nổi bật trong lịch sử loài người.
- Nêu được lịch sử sáng chế ra sản phẩm công nghệ tiêu biểu.
- Nêu được một số đức tính cần có để trở thành nhà sáng chế.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SGK, tranh ảnh sưu tầm hoặc vật thể về các loại đất và các thiết bị, học liệu và đồ dùng phục vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Hoạt động Khởi động (3 – 5')

- GV phổ biến luật chơi:
- + GV có một chiếc hộp bên trong chứa các sản phẩm công nghệ/sáng chế (cuộn giấy vệ sinh/điện thoại/bút chì/bóng đèn,...) và có khoét lỗ phía trên để HS có thể luồn tay qua.

+ HS giơ tay lên bục giảng, thò tay qua hộp (không nhìn), sờ vào đồ vật bí ẩn được giấu bên trong và đoán đó là cái gì.

- GV tổ chức trò chơi, mời 5 – 6 HS lên đoán đồ vật bí ẩn.

- Sau khi chơi trò chơi, GV dẫn dắt HS vào bài mới: *Những đồ vật các em đã đoán được là những sáng chế trong đời sống của chúng ta. Để hiểu rõ về vai trò của sáng chế, lớp chúng mình hãy cùng đến với **Bài 2 – Nhà sáng chế - Tiết 1**.*

2. Hoạt động Khám phá, hình thành kiến thức (8 – 10’)

- GV chia lớp thành các nhóm 4, yêu cầu HS thảo luận hoàn thành nhiệm vụ sau vào phiếu học tập:

Quan sát Hình 1 và cho biết các sáng chế dưới đây có vai trò như thế nào trong đời sống.



- GV mời đại diện 2 nhóm trình bày kết quả hoàn thành phiếu học tập. Các nhóm khác chú ý lắng nghe để nhận xét và bổ sung.

- GV nhận xét và chốt kiến thức: *Sáng chế góp phần tạo ra sản phẩm mới, cải tiến sản phẩm, thúc đẩy sự phát triển của công nghệ, giúp đời sống con người tiện nghi và văn minh hơn.*

3. Hoạt động Luyện tập, thực hành (10 – 15’)



- GV yêu cầu HS: *Viết 1 sáng chế mà em biết và công dụng của chúng trong đời sống trên note ghi chú hình chiếc lá.*
- GV lấy ví dụ: *Bút chì – dùng để viết, lưu trữ thông tin.*
- GV mời HS lần lượt đính tờ note vừa ghi lên giấy A0 trên bảng lớp.
- GV tổng hợp câu trả lời của HS và nhận xét, tuyên dương HS có câu trả lời tốt.

4. Hoạt động Vận dụng, trải nghiệm (3 – 5’)

- GV hướng dẫn HS tìm hiểu, thiết kế poster cải tiến một sáng chế mà em yêu thích và trình bày đơn giản ra giấy A4 theo một số gợi ý:

- + Tên sáng chế.
- + Nhà sáng chế phát minh sáng chế đó.
- + Công dụng của sáng chế đó.
- + Ý tưởng cải tiến sáng chế (ưu điểm/điểm mới của sáng chế đó).
- + Hình vẽ minh họa đơn giản.

....

- GV nêu hình thức đánh giá: *Trong hoạt động khởi đầu tiết học sau, các poster đã thiết kế sẽ được treo lên xung quanh lớp học và tiến hành bình chọn ra ý tưởng cải tiến được yêu thích nhất.*

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: (Phụ lục nếu có)

.....

ĐẠO ĐỨC**EM BIẾT ƠN NHỮNG NGƯỜI CÓ CÔNG
VỚI QUÊ HƯƠNG, ĐẤT NƯỚC (Tiết 3)****I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Kể được tên và đóng góp của những người có công với quê hương, đất nước.
- Biết vì sao phải biết ơn những người có công với quê hương, đất nước
- Thể hiện được lòng biết ơn bằng lời nói, việc làm cụ thể phù hợp với lứa tuổi.
- Nhắc nhở bạn bè có thái độ, hành vi biết ơn những người có công với quê hương, đất nước.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: File bài giảng

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**1. Hoạt động Khởi động (3 – 5')**

- GV mời cả lớp hát và vỗ tay theo bài hát *Nhớ ơn Bác*
<https://youtu.be/Gh6-fD0Tyi8>
- GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi: *Cảm xúc của em như thế nào khi nghe hoặc hát bài hát trên?*
- GV mời đại diện 2 – 3 HS trả lời. Các HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung ý kiến (nếu có).
- GV nhận xét, đánh giá và chốt đáp án
- GV dẫn dắt HS vào bài học

2. Hoạt động Khám phá (5 – 7')**Hoạt động 3: Quan sát tranh và thảo luận**

- GV yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi, quan sát tranh 1 – 6 SHS tr. 7 - 8 và trả lời câu hỏi: *Em hãy nêu những lời nói, việc làm của các bạn trong tranh thể hiện lòng biết ơn đối với những người có công với quê hương, đất nước.*
- GV mời đại diện 1 – 2 nhóm trả lời. Các HS khác lắng nghe, nhận xét, nêu ý kiến bổ sung (nếu có).
- GV nhận xét, đánh giá và kết luận:

Tru ờng hợp	Những lời nói, việc làm của các bạn trong tranh thể hiện lòng biết ơn đối với những người có công với quê hương, đất nước.
1	Dân hương, dâng hoa lên đài tưởng niệm anh hùng, liệt sĩ.
2	Thăm hỏi, động viên người có công và người thân của người có công với đất nước.
3	Tham quan bảo tàng, tìm hiểu về lịch sử hào hùng của cha anh, dân tộc.
4	Học tập và rèn luyện theo tấm gương tích cực của những người có công với đất nước, quê hương.
5	Hát những ca khúc ngợi ca về anh hùng, quê hương, đất nước.
6	Tìm hiểu, kể chuyện về người có công với quê hương, đất nước.

- GV yêu cầu HS trả lời nhanh câu hỏi (áp dụng phương pháp đàm thoại và kỹ thuật tia chớp): *Kể thêm những việc làm khác thể hiện lòng biết ơn với người có công với quê hương, đất nước?*

- GV mời đại diện 1 – 2 HS trả lời câu hỏi. Các HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung ý kiến (nếu có).

- GV nhận xét, đánh giá, ghi nhận đáp án đúng:

+ *Xây nhà tình nghĩa cho thân nhân, gia đình thương binh, liệt sĩ.*

+ *Phong tặng, truy tặng huân chương, huy hiệu cho chiến công của anh hùng, người có công...*

- GV kết luận: *Người có công với quê hương đất nước đã góp phần tạo nên một cuộc sống tốt đẹp, tích cực hơn cho chúng ta ngày hôm nay. Vì vậy, chúng ta cần kính trọng, biết ơn người người có công với quê hương, đất nước bằng thái độ, lời nói và việc làm phù hợp.*

2. Hoạt động Luyện tập (17 - 20')

Bài tập 1: Nhận xét các ý kiến

- GV yêu cầu HS làm việc cá nhân để nhận xét các ý kiến.

Em hãy đưa ra nhận xét của mình trong các tình huống trong SGK và giải thích lí

do của mình.

- GV mời đại diện HS phát biểu, nêu ý kiến. Các HS khác lắng, nhận xét, bổ sung ý kiến (nếu có).

- GV nhận xét, đánh giá và kết luận:

a. Em đồng tình vì các thương binh liệt sĩ đã góp phần bảo vệ quê hương đất nước. Việc biết ơn họ thể hiện đạo lý “Uống nước nhớ nguồn”.

b. Em đồng tình vì những người có công với quê hương đã không quản ngại hy sinh lợi ích riêng của bản thân để giúp cuộc sống thay đổi tốt đẹp hơn.

c. Em không đồng tình bởi việc quan tâm, hỏi han và giúp đỡ trong cuộc sống hàng ngày là việc học sinh có thể làm để thể hiện lòng biết ơn với thương binh và gia đình họ.

d. Em đồng tình vì việc cư xử đúng mực, có thái độ tôn trọng người có công là thể hiện sự biết ơn.

e. Em đồng tình vì việc rèn luyện giúp bản thân hoàn thiện, đóng góp cho sự phát triển của xã hội, tiếp nối công lao của người đi trước.

g. Em không đồng tình bởi không chỉ những anh hùng, liệt sĩ hi sinh mới được coi là người có công với đất nước.

Bài tập 2: Đưa ra ý kiến

- GV yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi, đọc yêu cầu bài tập 2 và trả lời câu hỏi: Em đồng tình hoặc không đồng tình với ý kiến của bạn nào? Vì sao?

- GV mời đại diện 2 – 3 nhóm trình bày kết quả thảo luận. Các HS khác lắng nghe, nhận xét, nêu ý kiến bổ sung (nếu có).

- GV nhận xét, đánh giá và kết luận:

a. Đồng tình vì việc chăm sóc người thân của liệt sĩ chính là việc làm thể hiện lòng biết ơn đối với người có công với quê hương, đất nước.

b. Đồng tình vì việc trở thành một công dân có ích cho xã hội, mang lại vinh quang về cho tổ quốc thông qua việc trở thành vận động viên cầu lông.

c. Đồng tình vì việc giữ gìn bản sắc văn hóa của dân tộc và truyền bá đến thế giới cũng là việc thể hiện sự biết ơn đối với những người nghệ nhân tạo nên nét đẹp cho đất nước.

d. Đồng tình vì việc giới thiệu về danh nhân văn hóa thế giới của nước nhà thể hiện sự hiểu biết và ngưỡng mộ đối với người đó.

Bài tập 3: Xử lý tình huống

- GV chia HS thành 3 nhóm và giao nhiệm vụ cho các nhóm:

+ Nhóm 1: Đọc và xử lý tình huống 1.

Trong buổi thảo luận về chủ đề Thể hiện lòng biết ơn những người có công với quê hương, đất nước, Nam cho rằng, học sinh cần chăm chỉ học tập, rèn đức luyện tài để trở thành người giúp ích cho đất nước. Nga thì cho rằng, học sinh còn nhỏ nên chỉ cần trân trọng, ghi ơn những người tham gia chống giặc ngoại xâm là đủ. Nếu là thành viên của lớp, em sẽ đưa ra ý kiến của mình như thế nào?

+ Nhóm 2: Đọc và xử lý tình huống 2.

Mẹ của Lam là giáo viên xung phong đi giảng dạy ở vùng hải đảo. Lam ở nhà với bà. Các bạn trong lớp đều rất cảm phục và muốn giúp đỡ Lam, nhưng chưa biết phải làm thế nào. Nếu là thành viên của lớp, em sẽ đề xuất cách gì để giúp đỡ Lam?

+ Nhóm 3: Đọc và xử lý tình huống 3.

Nhân kỉ niệm ngày Giải phóng miền Nam, cô giáo lên kế hoạch tổ chức đến thăm và tặng quà cho các gia đình thương binh, liệt sĩ ở địa phương. Các bạn đều rất nhiệt tình, riêng Long không tham gia vì bận đi đá bóng. Nếu là bạn cùng lớp với Long, em sẽ nói gì với Long?

- GV khuyến khích HS xây dựng kịch bản, đóng vai và xử lý tình huống.

- GV mời đại diện các nhóm trả lời câu hỏi tình huống của nhóm mình. Các nhóm khác lắng nghe, đặt câu hỏi cho nhóm bạn (nếu có).

- GV nhận xét, đánh giá và kết luận:

+ Tình huống 1: Em nêu ra sự đồng tình với ý kiến của cả hai bạn tuy nhiên hai bạn cần thay đổi ý kiến của bản thân. Vừa phải tích cực rèn luyện để trở thành người có ích đồng thời luôn trân trọng, ghi ơn những người có công chống giặc ngoại xâm.

+ Tình huống 2: Các bạn nên giải thích cho Lam hiểu việc mẹ Lam đang làm là công việc vô cùng thiêng liêng, đáng trân trọng, không chỉ thể hiện lòng biết ơn đối với thế hệ trước mà còn là tấm gương sáng cho thế hệ sau. Các bạn nên động viên, giúp đỡ Lam trong học tập cũng như trong cuộc sống thường ngày để bạn tự hào về mẹ và

cố hơn mỗi ngày.

+ *Tình huống 3: Các bạn nên giải thích cho Long về ngày kỉ niệm quan trọng này thể hiện sự tri ân, kỉ niệm thành công, chiến thắng của dân tộc bằng sự hy sinh của cha anh. Đi đá bóng có thể có rất nhiều cơ hội nhưng ngày này trong năm chỉ diễn ra một lần.*

3. Hoạt động Vận dụng, trải nghiệm (2 – 3')

- GV hướng dẫn các nhóm sưu tầm hình ảnh và đóng góp của một người có công với quê hương đất nước mà em biết.

- GV gợi ý cho HS một số sản phẩm:

+ *Viết đoạn văn.*

+ *Vẽ tranh.*

+ *Thiết kế poster...*

- GV nhận xét tiết học.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: (Phụ lục nếu có)

.....

KHOA HỌC

BÀI 2: Ô NHIỄM XÓI MÒN ĐẤT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐẤT (TIẾT 3)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Nêu được ý nghĩa của một số việc làm để bảo vệ môi trường đất. Kể được việc làm để bảo vệ môi trường đất.

- Nêu được một số việc làm để thực hiện và vận động những người xung quanh cùng tham gia bảo vệ môi trường đất.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- File bài giảng

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Hoạt động Khởi động (3 – 5')

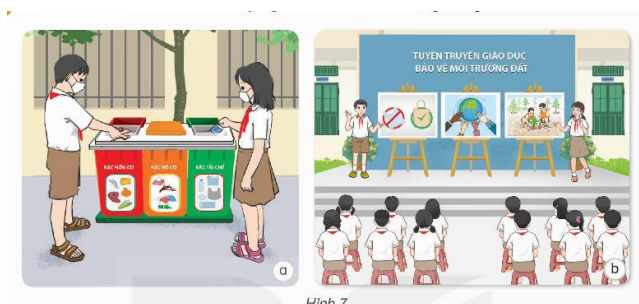
- Giáo viên tổ chức cho học sinh múa hát bài *Chung tay bảo vệ môi trường*
- Giáo viên nhận xét khen học sinh tham gia.
- Giáo viên đưa nội dung bài hát để giới thiệu nội dung tiết học ghi bảng.

2. Hoạt động Khám phá, hình thành kiến thức (8 – 10’)

2.1. Bảo vệ môi trường đất.

a. Ý nghĩa của một số việc làm để bảo vệ môi trường đất.

- Giáo viên gọi một học sinh đọc khung thông tin.
- Quan sát hình 7 thảo luận và cho biết ý nghĩa các hoạt động trong hình.
- Các nhóm báo cáo kết quả thảo luận



Hình 7

- GV mời các nhóm khác nhận xét, bổ sung.
- GV nhận xét, tuyên dương các nhóm và chốt:

Để giảm lượng rác thải ra môi trường tăng lượng rác thải có thể tái chế và tuyên truyền để mọi người nâng cao ý thức bảo vệ môi trường đất.

b. Kể được việc làm để bảo vệ môi trường đất.

- Giáo viên phát cho mỗi nhóm một số bông hoa bằng giấy yêu cầu học sinh viết các việc làm em đã bảo vệ môi trường đất vào các bông hoa rồi dán lên cây xanh được gắn trên bảng
- Giáo viên đọc nội dung được ghi trên một số bông hoa và yêu cầu học sinh cùng nhận xét.
- Giáo viên tuyên dương học sinh đã có những việc làm tốt để bảo vệ môi trường đất.

c. Đề xuất được những việc làm để bảo vệ môi trường.

- Giáo viên tiếp tục phát cho mỗi nhóm một chiếc lá bằng giấy yêu cầu học sinh viết đề xuất những việc làm để bảo vệ môi trường đất vào những chiếc lá rồi gắn lên cây xanh để trên bàn .
- Giáo viên đọc nội dung được ghi trên chiếc lá và yêu cầu học sinh cùng nhận xét.

3. Hoạt động luyện tập thực hành (10 – 15')

- Giáo viên yêu cầu học sinh thảo luận nhóm 4 hoặc 6 học sinh, nêu một số việc làm để thực hiện và vận động những người xung quanh tham gia vào việc bảo vệ môi trường đất.
- Giáo viên yêu cầu các nhóm trình bày kết quả các nhóm khác nhận xét bổ sung.
- Giáo viên chốt kiến thức:

Cần tích cực tham gia các hoạt động bảo vệ môi trường đất và vận động những người xung quanh cùng tham gia.

- GV hướng dẫn HS làm bài tập 7, 8 trang 10 VBT và kết hợp chấm chữa bài.

3. Hoạt động vận dụng trải nghiệm (3 – 5')

- Giáo viên tổ chức cho học sinh tổng kết bài học theo nội dung mục: Em đã học.
- Giáo viên khuyến khích học sinh chia sẻ với mọi người xung quanh vì sao phải trồng cây gây rừng và phủ xanh rất trống đồi chập và vì sao phải thực hiện phân loại rác thải sinh hoạt trong gia đình.

Dặn dò: Học sinh hiểu nội dung Bài 3 hỗn hợp và dung dịch chuẩn bị đồ thí nghiệm cho tiết học.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: (Phụ lục nếu có)

.....

KHOA HỌC**Bài 3: HỖN HỢP VÀ DUNG DỊCH (TIẾT 6)**

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Phân biệt được hỗn hợp và dung dịch từ các ví dụ đã cho.
- Thực hành tách muối hoặc đường ra khỏi dung dịch muối hoặc đường.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Dụng cụ thí nghiệm theo nhóm và theo yêu cầu của mỗi thí nghiệm

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Hoạt động Khởi động (3 – 5’)

- GV tổ chức trò chơi: **Nhà ẩm thực thông thái.**
- GV chia nhóm
- Cách chơi: GV đưa ra 4 loại nước: nước đường, nước muối, nước coca, nước khoáng đựng trong 4 chai bịt kín giống nhau. GV đố HS tìm được chai chứa nước muối.
- GV nhận xét, khen học sinh tham gia chơi.
- Vì sao em biết đây là nước muối?
- Vì sao nước muối có vị mặn?
- Trong tự nhiên em biết nước nào có vị mặn?
- GV nhận xét và GTB: Nước biển là một ví dụ sinh động về hỗn hợp và dung dịch mà chúng ta có thể dễ dàng liên hệ trong cuộc sống hàng ngày. Hiểu về hỗn hợp và dung dịch không chỉ giúp các em hiểu sâu hơn về cấu tạo của các chất xung quanh chúng ta mà còn áp dụng vào nhiều lĩnh vực khác nhau trong khoa học và đời sống. Hôm nay, lớp chúng mình sẽ cùng nhau đến với bài học “Hỗn hợp và dung dịch”.

2. Hoạt động Khám phá, hình thành kiến thức (8 – 10’)

2.1. Thực hiện được thí nghiệm tạo hỗn hợp và dung dịch.

- GV yêu cầu các nhóm báo cáo việc chuẩn bị dụng cụ thí nghiệm H1,2 theo phân công
- GV nhận xét việc chuẩn bị của các nhóm.
- GV giao nhiệm vụ cho các nhóm:
 - + Quan sát H1 và H2



+ Tiến hành làm thí nghiệm.

+ Dựa vào thông tin TLCH: thí nghiệm nào tạo ra hỗn hợp? Thí nghiệm nào tạo ra dung dịch? Vì sao em biết

- GV quan sát, hướng dẫn, góp ý với từng nhóm để hoàn thiện phiếu TN của nhóm.

- Tổ chức cho HS các nhóm báo cáo kết quả, nhóm khác nhận xét và bổ sung.

- GV hỏi:

+ Trong hỗn hợp ở TN1 nhận xét về tính chất của muối và hạt tiêu sau khi trộn vào nhau.

+ Trong dung dịch ở TN2, nhận xét về tính chất của muối và nước sau khi khuấy tan vào nhau.

***GV kết luận: Hỗn hợp được tạo thành từ 2 hay nhiều chất trộn lẫn với nhau. Hỗn hợp chất lỏng với chất rắn hoặc hỗn hợp chất lỏng với chất lỏng hòa tan, phân bố đều vào nhau tạo thành dung dịch. Dung dịch là một trường hợp đặc biệt của hỗn hợp.**

- GV nhận xét, tuyên dương.

c. Phân biệt được hỗn hợp và dung dịch

- GV tổ chức cho HS làm việc nhóm theo kỹ thuật khăn trải bàn.

- GV yêu cầu các nhóm quan sát H3, thảo luận và cho biết hỗn hợp nào là dung dịch.

Giải thích



- Yêu cầu đại diện nhóm lên trình bày, các nhóm khác nhận xét, bổ sung,

***GV kết luận:** trong cuộc sống có rất nhiều các hỗn hợp và dung dịch được tạo ra từ các chất. Hỗn hợp hay dung dịch được phân biệt dựa vào độ hòa tan và phân bố đều của các chất trong đó.

3. Hoạt động Luyện tập, thực hành (10 – 15’)

- GV tổ chức trò chơi truyền điện: yêu cầu HS lấy thêm ví dụ về hỗn hợp, dung dịch trong cuộc sống mà em biết.
- GV tổng kết trò chơi.
- GV nhận xét chung, tuyên dương.
- GV hướng dẫn HS làm bài tập 1, 2, 3, 4, 5 trang 11, 12 VBT và kết hợp chấm chữa bài.

4. Hoạt động Vận dụng, trải nghiệm (3 – 5’)

- + Về nhà thực hành tạo ra các hỗn hợp và dung dịch có sẵn trong cuộc sống hàng ngày và chia sẻ với bạn cách làm vào tiết học sau.
- + Tìm hiểu tác dụng của nước muối 0,9% trong cuộc sống ở mục “Em có biết?” Và cách tách muối ra khỏi dung dịch muối.
- Nhận xét, đánh giá tiết dạy.
- Dặn dò về nhà.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: (Phụ lục nếu có)

.....

TOÁN**Bài 6: CỘNG, TRỪ HAI PHÂN SỐ KHÁC (TIẾT 11)****I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- củng cố phép cộng, phép trừ hai phân số khác mẫu số hoặc có một mẫu số chia hết cho mẫu số còn lại.
- Hiểu được cách tính cộng, trừ hai phân số khác mẫu số bằng cách quy đồng mẫu số (lấy mẫu số chung là tích của hai mẫu số).
- HS có cơ hội phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- File bài giảng.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**1. Hoạt động Khởi động (3 – 5’)**

- GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học.

+ Câu 1: Điền đúng hay sai vào ô ?

$$c) \frac{3}{10} \times \frac{5}{6} = \frac{15}{60} = \frac{1}{4} \quad ?$$

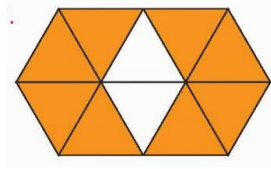
+ Câu 2: Điền đúng hay sai vào ô ?

$$\frac{15}{8} : \frac{3}{4} = \frac{60}{24} = \frac{5}{2} \quad ?$$

+ Câu 3: Quy đồng mẫu số 2 phân số sau:

$$\frac{9}{5} \text{ và } \frac{21}{40}$$

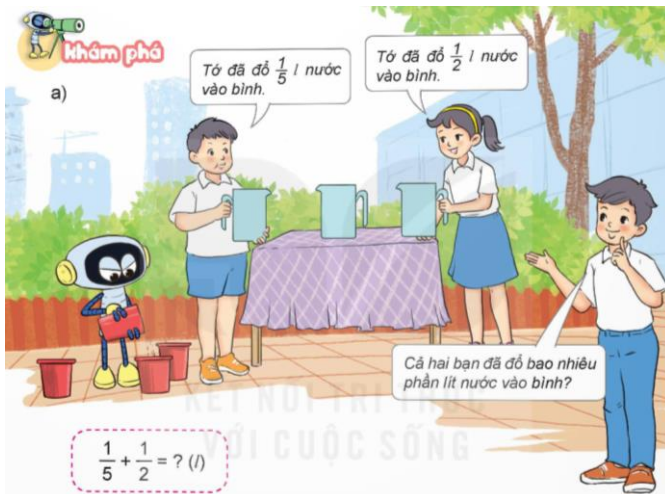
Câu 4: Quan sát hình sau và ghi phân số chỉ phần đã tô màu cam:



- GV nhận xét, tuyên dương.
- GV dẫn dắt vào bài mới.

2. Hoạt động Khám phá, hình thành kiến thức mới (8 – 10’)

- GV giới thiệu tình huống qua tranh, mời HS quan sát và nêu tình huống:



- Tình huống a:

+ Việt đổ vào bình bao nhiêu lít nước?

+ Mai đổ vào bình bao nhiêu lít nước?

+ Cả hai bạn đổ vào bình bao nhiêu lít nước?

- GV chốt: phép cộng $\frac{1}{5} + \frac{1}{2}$ là phép cộng 2 phân số khác mẫu số.

- Để thực hiện được phép cộng trên ta làm thế nào?

- GV cùng HS thực hiện cách quy đồng.

- Khi đã quy đồng 2 mẫu số, ta thực hiện phép cộng 2 phân số như thế nào?

Tình huống b:

- Mai và Việt, ai đổ nước vào bình nhiều hơn và nhiều hơn bao nhiêu lít nước?
- Để thực hiện được phép trừ trên ta làm thế nào?
- GV cùng HS thực hiện cách quy đồng.
- Khi đã quy đồng 2 mẫu số, ta thực hiện phép cộng 2 phân số như thế nào?
- GV nhận xét, chốt quy tắc:

Muốn cộng (hoặc trừ) hai phân số khác mẫu số, ta quy đồng mẫu số rồi cộng (hoặc trừ) hai phân số đã quy đồng mẫu số.

3. Hoạt động luyện tập thực hành (10 – 15')

- GV yêu cầu HS đọc kĩ bài tập 1, 2 (Trang 21/SGK), GV hướng dẫn HS kết hợp chăm chữa bài.

Bài 1.

- GV yêu cầu HS đọc đề bài.
- GV mời HS làm việc nhóm đôi: thực hiện công, trừ các phân số trong bài tập 1.
- GV mời các nhóm báo cáo kết quả.
- Mời các nhóm khác nhận xét, bổ sung.
- GV nhận xét tuyên dương (sửa sai).

Bài 2.

- GV hướng dẫn HS tìm hiểu bài.
- GV mời HS làm bài tập cá nhân vào vở.
- GV chấm bài, đánh giá, nhận xét và tuyên dương.

3. Hoạt động vận dụng trải nghiệm (3 – 5')

- GV tổ chức trò chơi “Ai nhanh – Ai đúng”.
- Cách chơi: GV đưa cho HS một số loại hoa quả (quả ổi, cam,...). Chia lớp thành nhiều nhóm, mỗi nhóm 3-4 HS. GV hô cô cần 1/5 quả ổi, cô cần 2/3 số táo,... tức thì các nhóm nhóm cắt ổi hoặc chặt táo sao cho đúng với số phần GV yêu cầu. Nhóm

nào làm đúng được nhận loại trái cây đỏ. Nhóm sai trả lại trái cây cho GV. Thời gian chơi từ 2-3 phút.

- GV tổ chức trò chơi.
- Đánh giá tổng kết trò chơi.
- GV nhận xét, dặn dò bài về nhà.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: (Phụ lục nếu có)

TOÁN

Bài 6: LUYỆN TẬP (TIẾT 12)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Luyện tập, củng cố phép cộng, phép trừ hai phân số khác mẫu số.
- Biết cách cộng, trừ phân số với một số tự nhiên; áp dụng vào giải quyết các bài toán thực tế.
- HS có cơ hội phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- File bài giảng.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Hoạt động Khởi động (3 – 5’)

- GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học.

+ Câu 1: Tính

$$\frac{1}{7} + \frac{1}{9}$$

+ Câu 2: Tính

$$\frac{11}{7} - \frac{5}{8}$$

+ Câu 3: Quy đồng mẫu số 2 phân số sau:

$$\frac{1}{2} + \frac{2}{5}$$

- GV nhận xét, tuyên dương.
- GV dẫn dắt vào bài mới.

2. Hoạt động luyện tập thực hành (20 – 25')

- GV yêu cầu HS đọc kĩ bài tập 1, 2, 3, 4 (Trang 21, 22/SGK), GV hướng dẫn HS kết hợp chăm chữa bài.

Bài 1.

- HS đọc đề bài.
- HS làm việc nhóm đôi: thực hiện công, trừ các phân số trong bài tập 1.
- GV mời các nhóm báo cáo kết quả.
- Mời các nhóm khác nhận xét, bổ sung.
- GV nhận xét tuyên dương (sửa sai)

***GV kết luận:** Muốn cộng (hoặc trừ) hai phân số khác mẫu số, ta quy đồng mẫu số rồi cộng (hoặc trừ) hai phân số đã quy đồng mẫu số.

Bài 2.

- GV mời HS đọc yêu cầu bài.
- GV cho HS thảo luận nhóm đôi.
- GV đánh giá, nhận xét và tuyên dương cc: Có thể dùng dấu thử kết quả.

Bài 3.

- GV mời 1 HS đọc yêu cầu.
- HS làm việc cá nhân làm bài vào vở.
- GV thu bài, chấm và nhận xét.
- GV nhận xét, tuyên dương.

Bài 4.

- HS đọc yêu cầu bài toán và nêu cách chia bánh của mỗi bạn.
- Với mỗi cách chia đó GV yêu cầu HS viết phép tính mô tả số bánh mà mỗi bạn nhận

được.

- GV hỏi HS về cách kiểm tra, so sánh số bánh của mỗi bạn với $\frac{5}{6}$ (cái bánh)

3. Hoạt động vận dụng trải nghiệm (3 – 5')

- GV tổ chức trò chơi “Ai nhanh – Ai đúng”.
- Cách chơi: GV cử 3 HS lên cầm thẻ.(1 em cầm dấu phép tính, 2 em cầm chữ số)

Chia lớp thành 2 nhóm, mỗi nhóm 6 HS.

GV cho 3 Hs đồng thời giơ lên tạo thành phép tính thì các nhóm tìm trên tay mình kết quả nào phù hợp với phép tính của 3 bạn tạo thành sao cho đúng yêu cầu. Nhóm nào làm đúng , nhanh thì dành chiến thắng. Nhóm sai trả lại cho GV. Thời gian chơi từ 2-3 phút.

- GV tổ chức trò chơi.

Ví dụ: HS1 $\frac{2}{3}$; HS 2: $\frac{3}{4}$ và HS 3: dấu +

Kq dưới nhóm phải chọn đúng là: $\frac{17}{12}$

- Đánh giá tổng kết trò chơi.
- GV nhận xét, dặn dò bài về nhà.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: (Phụ lục nếu có)

.....

TOÁN

Bài 7: HỖN SỐ (TIẾT 13)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Nhận biết được khái niệm ban đầu về hỗn số
- Nhận biết được phần nguyên, phần phân số.
- Đọc, viết được hỗn số.
- Nhận biết được hỗn số liên quan đến số lượng của một nhóm đồ vật.

- Viết được hỗn số dưới dạng tổng của phần nguyên và phân số.
- HS có cơ hội phát triển năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực giao tiếp và năng lực giải quyết vấn đề toán học trong thực tế.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- File bài giảng.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Hoạt động Khởi động (3 – 5’)

- GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học.

+ Câu 1: Tính

$$5 + \frac{1}{5}$$

+ Câu 2: Điền đúng hay sai vào ô ?

$$5 - \frac{1}{5}$$

+ Câu 3: Tính

$$\frac{9}{5} + \frac{21}{40}$$

- GV nhận xét, tuyên dương.
- GV dẫn dắt vào bài mới.

2. Hoạt động hình thành kiến thức mới (8 – 10’)

- GV giới thiệu tình huống qua tranh, mời HS quan sát và HS xung phong nhập vai đọc lời thoại của nhân vật để tìm ra cách chia bánh.

GV hỏi: Mỗi người được bao nhiêu phần của cái bánh và nhận xét sự khác nhau so với cách chia ban đầu

- Gv hướng dẫn:

+ Mỗi bạn có 1 cái bánh và $\frac{1}{4}$ cái bánh có thể viết gọn là $1\frac{1}{4}$

+ $1\frac{1}{4}$ là hỗn số, đọc là một và một phần tư

+ $1\frac{1}{4}$ có phần nguyên là 1 và phần phân số là $\frac{1}{4}$



- GV chốt:

+ Mỗi hỗn số gồm hai phần: Phần nguyên là số tự nhiên và phần phân số bé hơn 1

+ Để đọc hỗn số, ta đọc phần nguyên, chữ “và” rồi đến phần phân số.

3. Hoạt động luyện tập thực hành (10 – 15')

- GV yêu cầu HS đọc kĩ bài tập 1, 2, 3 (Trang 24/SGK), GV hướng dẫn HS kết hợp chấm chữa bài.

Bài 1.

- HS làm việc nhóm đôi.
- Các nhóm báo cáo kết quả.
- Mời các nhóm khác nhận xét, bổ sung.
- GV nhận xét tuyên dương (sửa sai).

Bài 2.

- HS đọc yêu cầu bài.

$$3\frac{1}{4} \quad 5\frac{5}{6} \quad 12\frac{7}{10} \quad 100\frac{59}{100}$$

- HS lần lượt đọc nối tiếp, lớp nghe nhận xét, sửa sai
- HS làm bài tập cá nhân vào vở
- GV chấm bài, đánh giá, nhận xét và tuyên dương.

Bài 3.

- HS giải thích hiểu theo mẫu và sau đó làm vào vở

$$1\frac{5}{7} \quad 4\frac{1}{2} \quad 2\frac{13}{100} \quad 5\frac{3}{10}$$

- HS lên bảng làm.
- GV chấm, chữa bài.

3. Hoạt động vận dụng trải nghiệm (3 – 5')**Bài 4:**

- GV tổ chức trò chơi “Ai nhanh – Ai đúng”.
- Cách chơi: GV đưa ra một số thẻ có ghi hỗn số. Hs quan sát thẻ giờ tay đọc nhanh số đó, em nào đọc đúng được nhận phần thưởng. em đọc sai thì phạt hình thức khác. Thời gian chơi từ 2-3 phút.
- GV tổ chức trò chơi.
- Đánh giá tổng kết trò chơi.
- GV nhận xét, dặn dò bài về nhà.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: (Phụ lục nếu có)

TOÁN

Bài 7: HỖN SỐ (TIẾT 14)**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Nhận biết được khái niệm ban đầu về hỗn số
- Nhận biết được phần nguyên, phần phân số.
- Đọc, viết được hỗn số.
- Nhận biết được hỗn số liên quan đến số lượng của một nhóm đồ vật.
- Viết được hỗn số dưới dạng tổng của phần nguyên và phân số.
- Viết được phân số thập phân dưới dạng hỗn số.
- HS có cơ hội phát triển năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực giao tiếp và

năng lực giải quyết vấn đề toán học trong thực tế.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- File bài giảng.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Hoạt động Khởi động (3 – 5’)

- GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học.

+ Câu 1: Đọc số

$$5\frac{1}{5}$$

+ Câu 2: Viết hỗn số sau thành tổng ?

$$6\frac{1}{5}$$

+ Câu 3: Chuyển tổng của phân số sau thành hỗn số

$$1 + \frac{2}{10}$$

- Nhận xét, tuyên dương.

- Qua trò chơi, các em được ôn tập nội dung gì ?

- GV nhận xét, tuyên dương và dẫn dắt vào bài mới.

2. Hoạt động luyện tập thực hành (20 – 25’)

- GV yêu cầu HS đọc kĩ bài tập 1, 2, 3, 4 (Trang 25/SGK), GV hướng dẫn HS kết hợp chấm chữa bài.

Bài 1.

- HS làm việc cá nhân

- HS báo cáo kết quả.

- Mời các HS khác nhận xét, bổ sung.

- GV nhận xét tuyên dương (sửa sai).

Bài 2.

- HS đọc mẫu, giải thích hiểu theo mẫu và sau đó làm vào vở

$$5\frac{1}{10} \quad 1\frac{9}{100} \quad 3\frac{5}{10} \quad 4\frac{9}{100}$$

- HS lên bảng làm.
- GV chấm bài, đánh giá, nhận xét và tuyên dương.

Bài 3.

- GV cho HS giải thích hiểu theo mẫu và sau đó làm vào vở

$$\frac{57}{10} \quad \frac{703}{100} \quad \frac{63}{10} \quad \frac{3005}{1000}$$

- HS lên bảng làm.
- GV chấm, chữa bài

3. Hoạt động vận dụng trải nghiệm (3 – 5')

- GV tổ chức trò chơi “Chọn đáp án sai”.
- Cách chơi: GV đưa ra bài toán 4 SGK cho HS đọc và giờ bảng con. Thời gian chơi từ 2-3 phút.

Chọn đáp án sai: Cô Dung có 23 phong kẹo, mỗi phong có 10 viên kẹo. Cô chia đều số kẹo đó cho 10 bạn. Vậy mỗi bạn nhận được:

A. 23 viên kẹo B. $\frac{23}{10}$ phong kẹo

C. $2\frac{3}{10}$ viên kẹo D. $2\frac{3}{10}$ phong kẹo

- GV tổ chức trò chơi.
- Đánh giá tổng kết trò chơi.
- GV nhận xét, dặn dò bài về nhà.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: (Phụ lục nếu có)

.....

TOÁN**Bài 3: ÔN TẬP HÌNH HỌC VÀ ĐO LƯỜNG (TIẾT 15)****I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- HS chuyển đổi được các đơn vị đo khối lượng như tấn, tạ, yên, ki- lô – gam; sử dụng được ê ke phân biệt các góc nhọn, góc tù, góc vuông, thực hiện được đo các góc 60° , 90° , 120° ; Vẽ được các đường thẳng song song, vuông góc, giải quyết được bài toán thực tế liên quan đến đơn vị đo khối lượng ;
- HS có cơ hội phát triển năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực mô hình hoá, năng lực giải quyết vấn đề.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- File bài giảng.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**1. Hoạt động Khởi động (3 – 5’)**

- GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học.

+ Câu 1: Đọc hỗn số sau $2\frac{7}{10}$

+ Câu 2: Số : 6 tạ = ... yên

+ Câu 3: Tính: $\frac{1}{2} + 5$

- GV nhận xét.

.- GV dẫn dắt vào bài mới.

2. Hoạt động luyện tập thực hành (20 – 25’)

- GV yêu cầu HS đọc kĩ bài tập 1, 2, 3, 4 (Trang 26, 27/SGK), GV hướng dẫn HS kết hợp chăm chữa bài.

Bài 1.

- HS làm việc cá nhân vào vở.
- GV nhận xét tuyên dương.

Bài 2.

- HS quan sát nêu yêu cầu đề bài.
- HS trả lời miệng
- HS dùng eke lên kiểm chứng
- HS khác nhận xét, bổ sung.
- GV nhận xét, tuyên dương.

Bài 3.

- GV hướng dẫn HS tìm hiểu đề bài.
- HS làm bài cá nhân vào vở.
- Đại diện HS chia sẻ cách làm.
- GV nhận xét, kết luận.

Bài 4.

- GV hướng dẫn HS tìm hiểu đề bài.
- HS làm bài cá nhân vào vở.
- Đại diện HS chia sẻ cách làm.
- GV nhận xét, kết luận.

3. Hoạt động vận dụng trải nghiệm (3 – 5')

- GV tổ chức trò chơi “Ai nhanh – Ai đúng”.
- Cách chơi: GV đưa ra một số thẻ có ghi đổi một số đơn vị đo khối lượng. Hs quan sát thẻ giờ tay đọc nhanh kết quả, em nào đọc đúng được nhận phần thưởng. em đọc sai thì phạt hình thức khác. Thời gian chơi từ 2-3 phút.
- GV tổ chức trò chơi.
- Đánh giá tổng kết trò chơi.
- GV nhận xét, dặn dò bài về nhà.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: (Phụ lục nếu có)

.....

TOÁN CÙNG CỘ

HỖN SỐ (TIẾT 7, 8)**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Ôn tập, củng cố cách đọc, viết hỗn số; nhận biết phần nguyên, phần phân số;
- Ôn tập cách chuyển hỗn số thành phân số; cách chuyển phân số thập phân (tử số lớn hơn mẫu số) thành hỗn số;
- Vận dụng kiến thức, kỹ năng về hỗn số đã học vào giải quyết tình huống gắn với thực tế.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- File bài giảng

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**1. Hoạt động Khởi động (3 – 5’)**

- GV cho HS thực hiện bài toán sau:

Bài toán: Chia đều 17 cái bánh cho 10 bạn thì mỗi bạn được bao nhiêu phần cái bánh?

- GV nêu câu hỏi:

+ **HS 1:** Viết phân số biểu thị phần bánh của mỗi bạn.

+ **HS 2:** “Mỗi bạn được 1 cái bánh và $\frac{7}{10}$ cái bánh”. Em có đồng ý với khẳng định này không?

+ **HS 3:** Viết hỗn số biểu thị phần bánh của mỗi bạn.

- GV nhận xét, tuyên dương, sau đó dẫn dắt vào bài ôn tập.

2. Hoạt động luyện tập thực hành (25 – 30’)**a. Hoạt động củng cố lý thuyết**

- GV nêu câu hỏi:

Cho các hỗn số sau: $4\frac{2}{5}$; $3\frac{3}{10}$; $9\frac{2}{3}$ và $6\frac{1}{10}$

+ **HS 1:** Đọc các hỗn số trên và nêu cách đọc hỗn số.

+ **HS 2:** Chuyển hỗn số $3\frac{3}{7}$ thành phân số thập phân.

+ **HS 3:** Phân số $\frac{61}{10}$ bằng hỗn số nào trong các hỗn số trên?

- GV nhận xét, tuyên dương HS nhớ kiến thức.

- GV nhận xét, chuyển sang nội dung làm bài tập.

b. Hoạt động thực hành, luyện tập

Bài tập 1: Cho các hỗn số sau:

$$3\frac{3}{4}; \quad 5\frac{77}{100}; \quad 2\frac{3}{10}; \quad 14\frac{2}{5}.$$

a) Xác định phần nguyên, phần phân số của các hỗn số trên.

b) Đọc các hỗn số trên.

- HS hoàn thành bài tập cá nhân.

- 2 HS lên bảng thực hiện, mỗi HS 1 phần.

- HS nhận xét bài làm trên bảng.

- GV chốt đáp án.

Bài tập 2: Viết các hỗn số sau thành phân số (theo mẫu)

$$\text{Mẫu: } 1\frac{4}{3} = 1 + \frac{4}{3} = \frac{7}{3}$$

a) $3\frac{4}{5};$ b) $4\frac{3}{5};$ c) $5\frac{2}{3};$

d) $1\frac{7}{100};$ e) $2\frac{9}{11};$ g) $12\frac{6}{7}.$

- HS làm bài cá nhân.

- 3 HS lên bảng, mỗi HS 2 câu.

- HS còn lại quan sát, nhận xét.

- GV chốt đáp án đúng.

Bài tập 3: Viết các phân số thập phân sau thành hỗn số (theo mẫu):

$$\text{Mẫu: } \frac{13}{10} = \frac{10+3}{10} = 1 + \frac{3}{10} = 1\frac{3}{10}$$

- a) $\frac{19}{10}$; b) $\frac{33}{10}$; c) $\frac{207}{100}$;
d) $\frac{511}{100}$; e) $\frac{1\,003}{1\,000}$; g) $\frac{8\,021}{1\,000}$.

- HS làm bài cá nhân.

- 3 HS lên bảng trình bày, mỗi bạn 2 câu.

- GV nhận xét, chỉnh sửa bổ sung (nếu có).

Bài tập 4: Bác Lan có 27 quả táo, bác muốn chia đều số quả táo đó cho 10 em nhỏ .
Hỏi mỗi em được mấy quả táo và mấy phần của quả táo?

- GV thu chấm vở của 3 HS hoàn thành nhanh nhất.

- 1 HS lên bảng trình bày bài giải.

- GV nhận xét, chốt đáp án.

Bài tập 5: Ba bạn Hà, Linh, Trang cùng nhau hái dâu. Hà hái được 2 hộp và $\frac{1}{3}$ hộp,
Linh hái được 1 hộp và $\frac{3}{4}$ hộp, Trang hái được 2 hộp và $\frac{1}{2}$ hộp.

a) Viết hỗn số biểu diễn số hộp dâu cả ba bạn hái được.

b) Tính số phần hộp dâu cả ba bạn hái được.

- HS làm bài cá nhân.

- 1 HS lên bảng điền đáp án.

- GV nhận xét, chỉnh sửa bổ sung (nếu có).

3. Hoạt động vận dụng trải nghiệm (30 – 35')

- GV yêu cầu HS đọc kĩ bài tập trong PBT, GV hướng dẫn HS kết hợp chấm chữa bài.

Trường:.....

Lớp:.....

Họ và tên:.....

- PHIẾU HỌC TẬP**I. Phần trắc nghiệm**

Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng.

Câu 1: Đáp án nào sau đây **không** là hỗn số?

A. $\frac{5}{3}$.

B. $1\frac{9}{10}$.

C. $6\frac{7}{8}$.

D. $8\frac{2}{15}$.

Câu 2: Hỗn số “hai và chín mươi bảy phần chín mươi chín”.

A. $97\frac{2}{99}$.

B. $99\frac{2}{97}$.

C. $2\frac{99}{97}$.

D. $2\frac{97}{99}$.

Câu 3: $\frac{1}{5}$ là phần phân số của hỗn số nào dưới đây?

A. $14\frac{5}{12}$.

B. $1\frac{1}{6}$.

C. $10\frac{1}{5}$.

D. $6\frac{2}{9}$.

Câu 4: Trong các hỗn số dưới đây, hỗn số nào bằng phân số $\frac{8}{5}$?

A. $3\frac{1}{5}$.

B. $1\frac{3}{5}$.

C. $5\frac{1}{3}$.

D. $2\frac{3}{5}$.

Câu 5: Phân số $\frac{49}{10}$ được chuyển thành hỗn số nào sau đây?

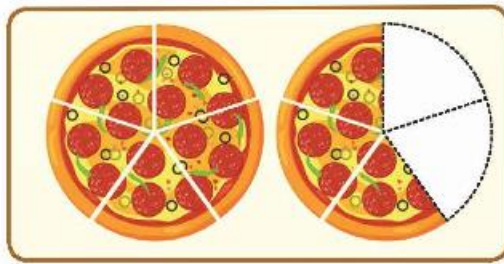
A. $9\frac{4}{10}$.

B. $4\frac{9}{10}$.

C. $9\frac{4}{10}$.

D. $49\frac{1}{10}$.

Câu 6: Hỗn số biểu diễn số bánh pizza là:



A. $2\frac{2}{5}$.

B. $1\frac{2}{5}$.

C. $2\frac{3}{5}$.

D. $1\frac{3}{5}$.

Câu 7: Khẳng định nào sau đây là *sai*?

A. Hỗn số $17\frac{11}{25}$ có phần nguyên là 11 và phần phân số là $\frac{17}{25}$.

B. Hỗn số $1\frac{25}{26}$ được chuyển thành phân số $\frac{51}{26}$.

C. Phân số $\frac{367}{100}$ được chuyển thành hỗn số $3\frac{67}{100}$.

D. Hỗn số $365\frac{1}{4}$ đọc là “ba trăm sáu mươi lăm và một phần tư”.

Câu 8: Phân số nào dưới đây khi chuyển về dạng hỗn số **không** có phần phân số là $\frac{1}{2}$?

A. $\frac{125}{10}$.

B. $\frac{1450}{100}$.

C. $\frac{35}{100}$.

D. $\frac{95}{10}$.

Câu 9: Khi viết phân số $\frac{135}{100}$ dưới dạng hỗn số, ta được hỗn số có phần nguyên là:

A. 16.

B. 15.

C. 14.

D. 13.

Câu 10: Mẹ chia đều 23 cái bánh cho 10 bạn. Khẳng định nào sau đây **đúng**?

A. Mỗi bạn được 2 cái bánh và $\frac{1}{10}$ cái bánh.

B. Mỗi bạn được 1 cái bánh và $\frac{1}{10}$ cái bánh.

C. Mỗi bạn được 2 cái bánh và $\frac{3}{10}$ cái bánh.

D. Mỗi bạn được 1 cái bánh và $\frac{3}{10}$ cái bánh.

II. Phần tự luận

Bài 1: Hoàn thành bảng sau.

Hỗn số	Đọc	Phần nguyên	Phần phân số
--------	-----	-------------	--------------

Bài 2: Chuyển các hỗn số sau thành phân số.

- [illegible]

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 4: Điền số vào chỗ chấm.

a) $3\frac{1}{4} = \frac{\dots}{4};$

b) $\frac{377}{100} = 3\frac{\dots}{100};$

c) $3\frac{45}{100} = \frac{\dots}{100};$

d) $\frac{73}{10} = \dots\frac{3}{10};$

e) $1\frac{21}{25} = \frac{21}{\dots};$

g) $\frac{202}{100} = 2\frac{2}{\dots}.$

Bài 5: Người bán đậu thường chia 1 bìa đậu lớn thành 10 phần nhỏ vừa ăn.

a) Mẹ mua 12 phần đậu thì được người bán đưa cho 1 bìa đậu lớn và 2 phần nhỏ đúng hay sai?

b) Bác Lộc mua 35 phần đậu thì được người bán đưa cho mấy phần nhỏ?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 6: Hai người thợ cùng làm bánh. Biết rằng người thợ thứ nhất dùng hết $1\frac{1}{5}$ gói bột mì và người thợ thứ hai dùng hết $\frac{13}{10}$ gói bột mì. Hỏi người thợ nào dùng ít bột mì hơn?

Bài giải

.....

.....

.....

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: (Phụ lục nếu có)

TOÁN Củng Cố**ÔN TẬP HÌNH HỌC VÀ ĐO LƯỜNG (TIẾT 9)****I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

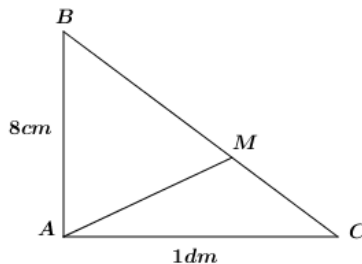
- Ôn tập, củng cố kỹ năng nhận dạng và gọi tên một số hình đã học; nhận biết hai đường thẳng song song, hai đường thẳng vuông góc, góc và đo góc;
- Chuyển đổi, tính toán các đơn vị đo diện tích, khối lượng và thời gian;
- Vận dụng kiến thức, kỹ năng về hình học và đo lường để tính toán, ước lượng giải quyết tình huống gắn với thực tế.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- File bài giảng.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**1. Hoạt động Khởi động (3 – 5’)**

- GV chiếu hình ảnh và nêu bài toán:



- GV đặt câu hỏi:

+HS 1: Viết tên các góc nhọn, góc tù, góc vuông có trong hình.

+HS 2: Nêu tên các cặp cạnh vuông góc với nhau.

- GV nhận xét, tuyên dương, sau đó dẫn dắt vào bài ôn tập.

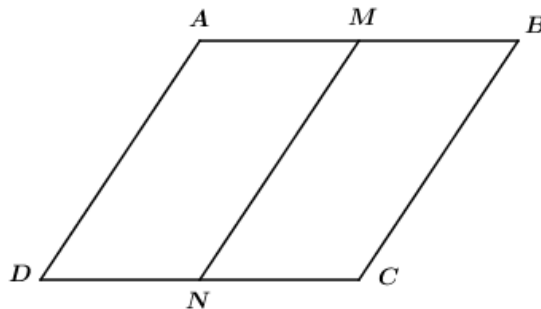
2. Hoạt động luyện tập thực hành (20 – 25’)

Bài tập 1: Điền số thích hợp vào chỗ chấm.

- a) 70 yến = ... tạ; b) 2 tạ = ... kg;
c) 1 tấn 3 kg = ... kg; d) 3 tạ 10 kg = ...
yến;
e) 95 yến = ... tạ ... g) 17 tạ = ... tấn ...
kg; kg.

- HS hoàn thành bài tập cá nhân.
- 3 HS lên bảng thực hiện, mỗi HS 2 câu.
- HS nhận xét bài làm trên bảng.
- GV chốt đáp án.

Bài tập 2: Cho hình bình hành $ABCD$

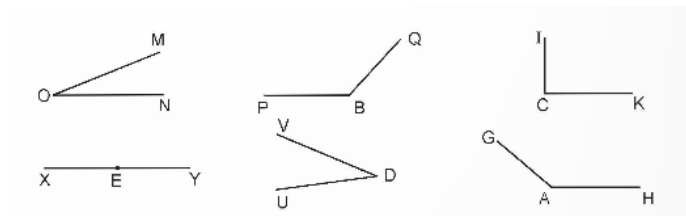


- a) Viết tên các hình bình hành có trong hình trên.
b) Cạnh AD song song và bằng những cạnh nào?

- HS làm bài cá nhân.
- GV thu vở chấm 3 bạn nhanh nhất và mời 1 HS lên bảng trình bày.
- HS còn lại quan sát, nhận xét.
- GV chốt đáp án đúng.

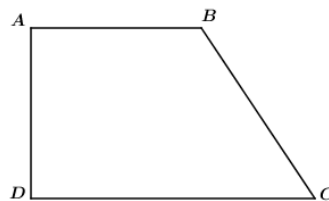
Bài tập 3:

- a) Cho các góc như hình vẽ dưới đây.



Trong các góc đã cho, có bao nhiêu góc nhọn, có bao nhiêu góc vuông và có bao nhiêu góc tù? Kể tên các góc đó.

b) Cho hình tứ giác $ABCD$ có góc đỉnh A và góc đỉnh D là các góc vuông.



Nêu tên từng cặp cạnh song song và cặp cạnh vuông góc với nhau trong hình trên.

- HS làm bài cá nhân.
- 2 HS lên bảng trình bày, mỗi bạn 1 câu.
- GV nhận xét, chỉnh sửa bổ sung (nếu có).

Bài tập 4: Một nhà kho có 2 tấn 270 kg hạt điều và số lượng hạt hạnh nhân bằng $\frac{3}{5}$ số lượng hạt điều. Hỏi nhà kho có tất cả bao nhiêu ki – lô – gam hạt điều và hạt hạnh nhân?

- GV thu chấm vở của 3 HS hoàn thành nhanh nhất.
- 1 HS lên bảng trình bày bài giải.
- GV nhận xét, chốt đáp án.

Bài tập 5: Người ta dùng một loại gạch men hình vuông có cạnh 60 cm để lát nền một phòng ăn hình chữ nhật có chiều dài 9 m và chiều rộng 6 m. Hỏi cần bao nhiêu viên gạch men loại đó để lát đủ vừa kín nền phòng ăn? (Diện tích mảnh vữa không đáng kể)

- HS làm bài cá nhân.

- 1 HS lên bảng trình bày lời giải.
- GV nhận xét, chỉnh sửa bổ sung (nếu có).

Bài tập 6: Điền >;<; =

- a) 4 giờ ... 250 phút;
- b) 3 giờ 25 phút ... 210 phút;
- c) $\frac{1}{4}$ thế kỉ ... 25 năm;
- d) $\frac{2}{5}$ thế kỉ 3 năm ... 41 năm;
- e) 200 cm^2 ... 2 dm^2 ;
- g) $34\,000 \text{ mm}^2$... 34 cm^2 .

- HS làm bài cá nhân.
- 1 HS có kết quả nhất lên bảng điền đáp án.
- Cả lớp chú ý quan sát và nhận xét bài làm của bạn.
- GV nhận xét, chỉnh sửa bổ sung (nếu có).

3. Hoạt động vận dụng trải nghiệm (3 – 5')

- Trò chơi: Tìm nhà cho thỏ.

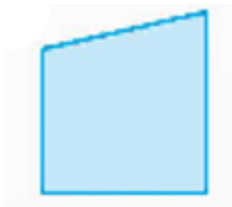
Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng.

Câu 1: Trong các hình sau, hình nào vừa có cặp cạnh song song, vừa có cặp cạnh vuông góc?

A.



B.



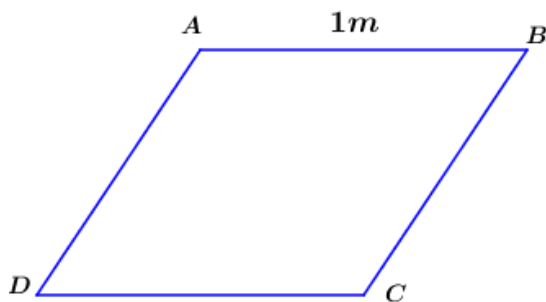
C.



D.



Câu 2: Cho hình bình hành hành $ABCD$ có $AB = 1 \text{ m}$, khi đó cạnh DC bằng:



- A. 10 cm.
- B. 1 000 cm.
- C. 100 m.
- D. 1 m.

Câu 3: Góc tạo bởi kim giờ và kim phút trong hình bên là:



- A. Góc nhọn.
- B. Góc tù.
- C. Góc bẹt.
- D. Góc vuông.

Câu 4: Số thích hợp điền vào chỗ chấm là:

$$5 \text{ yến} + 12 \text{ kg} = \dots \text{ yến } 2 \text{ kg}.$$

- A. 6.
- B. 60.
- C. 5.
- D. 50.

Câu 5: Khẳng định nào sau đây *sai*?

- A. 100 năm = 1 thế kỉ.
- B. 1 phút 20 giây > 75 giây.

C. $2\text{ cm}^2 = 2\,000\text{ mm}^2$.

D. 1 tấn 25 kg = 1 025 kg.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: (Phụ lục nếu có)

.....

TOÁN TƯ DUY

Giả thuyết tạm (Tiết 5, 6)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Sau khi học các bài toán về giả thuyết tạm, giúp học sinh có trí tưởng tượng phong phú và tư duy logic, biết vận dụng một cách linh hoạt khi giải toán.
- Giúp học sinh phát huy những khả năng suy luận và lập luận. Giả sử có một giả thiết (điều kiện) nào đó không có trong thực tế hay không có trong điều kiện đã cho của bài toán. Đưa vào giả thiết đó cùng với những điều kiện đã cho của bài toán để dễ dàng tìm ra cách giải của bài toán.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- File bài giảng, phiếu bài tập.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Hoạt động Khởi động (3 – 5’)

“Vừa gà vừa chó,
Bó lại cho tròn
Ba mươi sáu con
Một trăm chân chẵn”.

Hỏi có bao nhiêu con gà, bao nhiêu con chó?

Giáo viên đưa ra các câu hỏi gợi ý: Để học sinh có thể định hướng được nên giải sử hay không?

ĐA:

Giả sử 36 con đều là gà cả. Như vậy, số chân đếm được là:

$$36 \times 2 = 72 \text{ (chân)}$$

Số chân hụt đi là:

$$100 - 72 = 28 \text{ (chân)}$$

Sở dĩ số chân bị hụt đi là do khi giả thiết 36 con là gà cả thì mỗi con chó bị hụt đi mất 2 chân.

$$\text{Số chó là: } 28 : 2 = 14 \text{ (con)}$$

$$\text{Số gà là: } 36 - 14 = 22 \text{ (con)}$$

Đáp số: 22 con gà; 14 con chó

2. Hoạt động Luyện tập, thực hành (50 – 55')

- GV yêu cầu HS đọc kĩ các bài tập (trong phiếu học tập), GV hướng dẫn HS kết hợp chăm chữa bài.

Câu 1. 12 con vừa gà vừa thỏ có tất cả 32 chân. Hỏi có bao nhiêu con gà? Bao nhiêu con thỏ?

- HS đọc yêu cầu.
- Giáo viên hỏi câu hỏi phụ gợi ý.
- Học sinh làm bài vào vở.
- HS chia sẻ bài trước lớp.
- GV nhận xét, khen ngợi HS.

ĐA: Một con gà có 2 chân và một con thỏ có 4 chân.

Giả sử 12 con đều là thỏ thì số chân sẽ là:

$$12 \times 4 = 48 \text{ (chân)}$$

Số chân dôi ra là:

$$48 - 32 = 16 \text{ (chân)}$$

Số chân dôi ra vì ta đã thay gà bằng thỏ. Mỗi lần thay 1 con gà bằng 1 con thỏ thì số chân dôi ra là 2 chân.

$$\text{Số gà là } 16 : 2 = 8 \text{ (con)}$$

$$\text{Số thỏ là } 12 - 8 = 4 \text{ (con)}$$

Câu 2. Có 10 xe chở gạo gồm 2 loại. Loại I chở được 45 tạ và loại II xe chở được

32 tạ. Tất cả đã chở được 39 tấn 8 tạ gạo. Hỏi có bao nhiêu xe mỗi loại?

- Giáo viên hỏi câu hỏi phụ gợi ý.
- Học sinh làm bài vào vở.
- HS chia sẻ bài trước lớp.
- GV nhận xét, khen ngợi HS.

ĐA:

Đổi: 39 tấn 8 tạ = 398 tạ

Giả sử 10 xe đều là loại chở được 45 tạ, thì số tạ gạo chở được là:

$$45 \times 10 = 450 \text{ (tạ)}$$

Số gạo dôi ra là:

$$450 - 398 = 52 \text{ (tạ)}$$

Số gạo dôi ra là vì ta đã thay loại xe chở 32 tạ một xe bằng loại chở 45 tạ một xe.

Mỗi lần thay 1 xe chở 32 tạ bằng 1 xe chở 45 tạ thì số gạo dôi ra là:

$$45 - 32 = 13 \text{ (tạ)}$$

Số xe loại chở 32 tạ 1 xe là:

$$52 : 13 = 4 \text{ (xe)}$$

Số xe loại chở 45 tạ 1 xe là:

$$10 - 4 = 6 \text{ (xe)}$$

Đáp số: Xe loại 32 tạ: 4 xe

Xe loại 45 tạ: 6 xe

Bài 3. Có 8 sọt đựng tất cả 1120 quả vừa cam vừa quýt. Mỗi sọt cam đựng được 75 quả, mỗi sọt quýt đựng được 179 quả. Hỏi mỗi loại có bao nhiêu quả?

- HS đọc yêu cầu.
- Giáo viên hỏi câu hỏi phụ gợi ý.
- Học sinh làm bài vào vở.
- GV chụp bài 2 HS và chiếu lên cho các bạn cùng so sánh và nhận xét.
- GV nhận xét, khen ngợi HS.

ĐA:

Giả sử cả 8 sọt đều đựng quýt thì số quả sẽ là:

$$179 \times 8 = 1432 \text{ (quả)}$$

Số quả dôi ra là:

$$1432 - 1120 = 312 \text{ (quả)}$$

Thay 1 sọt cam bằng 1 sọt quýt thì số quả dôi ra là:

$$179 - 75 = 104 \text{ (quả)}$$

Số sọt cam là:

$$312 : 104 = 3 \text{ (sọt)}$$

Số sọt quýt là:

$$8 - 3 = 5 \text{ (sọt)}$$

Đáp số: Sọt cam: 3 sọt; Sọt quýt: 5 sọt

Bài 4. Lớp 5A có 43 học sinh. Trong bài thi học kì I cả lớp đều được 9 điểm hoặc 10 điểm. Tổng số điểm của cả lớp là 406 điểm. Hỏi có bao nhiêu bạn được điểm 9, bao nhiêu bạn được điểm 10?

- Giáo viên hỏi câu hỏi phụ gợi ý.

- Học sinh làm bài vào vở.

- HS chia sẻ bài trước lớp.

- GV nhận xét, khen ngợi HS.

ĐA:

Nếu tất cả các bạn đều đạt 10 điểm thì số điểm cả lớp sẽ là:

$$10 \times 43 = 430 \text{ (điểm)}$$

Số điểm dôi ra là:

$$430 - 406 = 24 \text{ (điểm)}$$

Số điểm dôi ra vì ta đã thay số học sinh được điểm 9 bằng số học sinh được 10.

Mỗi lần thay 1 bạn điểm 9 bằng 1 bạn điểm 10 thì số điểm dôi ra là:

$$10 - 9 = 1 \text{ (điểm)}$$

Số bạn được điểm 9 là:

$$24 : 1 = 24 \text{ (bạn)}$$

Số bạn được điểm 10 là

$$43 - 24 = 19 \text{ (bạn)}$$

Đáp số: Số bạn được điểm 9: 24 bạn

Số bạn được điểm 10: 19 bạn

Bài 5. Lớp 5A có 5 tổ đi trồng cây, số người mỗi tổ đều bằng nhau. Mỗi bạn trồng được 4 hoặc 6 cây. Cả lớp trồng được tất cả 220 cây. Hỏi có bao nhiêu bạn trồng được 4 cây? Bao nhiêu bạn trồng được 6 cây. Biết số học sinh ít hơn 50, nhiều hơn 40.

- HS đọc yêu cầu.
- Giáo viên hỏi câu hỏi phụ gợi ý.
- Học sinh làm bài vào vở.
- HS chia sẻ bài trước lớp.
- GV nhận xét, khen ngợi HS.

ĐA: Lớp 5A có 5 tổ, số người mỗi tổ đều bằng nhau, vậy số học sinh chia hết cho 5.

Số học sinh chia hết cho 5, nhỏ hơn 50, lớn hơn 40 vậy số học sinh là 45 người.

Nếu cả lớp đều trồng được 6 cây thì số cây trồng được là:

$$6 \times 45 = 270 \text{ (cây)}$$

Số cây dôi ra là:

$$270 - 220 = 50 \text{ (cây)}$$

Số cây dôi ra vì ta đã thay số bạn trồng 4 cây bằng số bạn trồng 6 cây.

Mỗi lần thay 1 bạn trồng 4 cây bằng 1 bạn trồng 6 cây thì số cây dôi ra là 2 cây.

Số bạn trồng được 4 cây là:

$$50 : 2 = 25 \text{ (bạn)}$$

Số bạn trồng 6 cây là:

$$45 - 25 = 20 \text{ (bạn)}$$

Đáp số: Số bạn trồng 4 cây: 25 bạn; Số bạn trồng 6 cây: 20 bạn

Hoạt động Vận dụng, trải nghiệm (8 – 10')

Sau buổi bán hàng một cửa hàng đã thu được 315000 đồng gồm 3 loại tiền: loại 5000 đồng, loại 2000 đồng và loại 1000 đồng. Số tờ cả 3 loại là 145 tờ. Tính xem số tiền mỗi loại là bao nhiêu biết số tờ loại 2000 đồng gấp đôi số tờ 1000 đồng.

- HS đọc yêu cầu.
- HS nhận dạng và đưa ra cách giải.

- HS chia sẻ bài trước lớp.

- GV chốt đáp án.

Giả sử cả 145 tờ đều là loại 5000 đồng thì số tiền bán hàng sẽ là:

$$5000 \times 145 = 725000 \text{ (đồng)}$$

Số tiền đòi ra là:

$$725000 - 315000 = 410000 \text{ (đồng)}$$

Số tiền đòi ra vì ta đã thay loại tiền 2000 đồng và 1000 đồng bằng loại tiền 5000 đồng.

Số tờ 2000 đồng gấp đôi số tờ 1000 đồng nên mỗi lần thay 2 tờ 2000 đồng và 1 tờ 1000 đồng bằng 3 tờ loại 5000 đồng thì số tiền đòi ra là:

$$5000 \times 3 - 2000 \times 2 - 1000 \times 1 = 10000 \text{ (đồng)}$$

Số lần thay là:

$$410000 : 10000 = 41 \text{ (lần)}$$

Vậy số tờ 1000 đồng là 41 tờ

Số tờ 2000 đồng là:

$$41 \times 2 = 82 \text{ (tờ)}$$

Số tờ 5000 đồng là:

$$145 - 82 - 41 = 22 \text{ (tờ)}$$

Số tiền 1000 đồng là:

$$1000 \times 41 = 41000 \text{ (đồng)}$$

Số tiền 2000 đồng là:

$$2000 \times 82 = 164000 \text{ (đồng)}$$

Số tiền 5000 đồng là:

$$5000 \times 22 = 110000 \text{ (đồng)}$$

Đáp số: Số tiền 1000 đồng: 41000 đồng

Số tiền 2000 đồng: 164000 đồng

Số tiền 5000 đồng: 110000 đồng.

- GV nhận xét, khen ngợi HS.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: (Phụ lục nếu có)

.....

Ký duyệt của BGH**Khôi trưởng ký duyệt****Người soạn****Lê Công Thắng****Cao Thị Huê****Cao Thị Huê**

